TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A, TỈNH K**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08/8/2024
V/v tranh chấp " Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**

* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hồ Thị Hoa**
2. Ông **Lưu Văn Bình**

* Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Thùy Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh K: Ông **Trần Văn Ý** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 65/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

***** Nguyên đơn: Chị **Đoàn Thị Q**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện T1, tỉnh A.

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Hoàng N,** sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện A, tỉnh K.

(Chị Q có đơn xin vắng mặt; Anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đoàn Thị Q trình bày*:**

Chị và anh Nguyễn Hoàng N quen biết, rồi tìm hiểu và đi đến hôn nhân có tổ chức đám cưới vào năm 2014 đến năm 2015 thì mới đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật số 10/2015 ngày 03/3/2015 tại UBND xã V, huyện T1, tỉnh A. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc có một con chung, sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không còn phù hợp nên thường hay cự cải và cuộc sống không còn hạnh phúc, mặc dù đã cố gắng duy trì cuộc hôn nhân nhưng không có kết quả. Chị và anh N đã ly thân tháng 10 năm 2023 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị đề nghị ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kiều M, sinh ngày 04/5/2016. Hiện chị đang nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Hoàng N không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Q, mặc dù Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị Q: Có đơn xin vắng mặt.

- Anh N: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng, bị đơn vắng mặt không đảm bảo theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Q được ly hôn với anh N; về con chung: xét thấy từ khi chị Q và anh N ly thân cho đến nay

do chị Q nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và theo nguyện vọng của con chung cũng muốn được sống chung với chị Q để đảm bảo quyền lợi của con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao con chung cho chị Q nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết do chị Q không có yêu cầu; tài sản, nợ không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Hoàng N có hộ khẩu thường trú ở Ấp M, xã V, huyện A, tỉnh K. Vì vậy tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Đoàn Thị Q có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Hoàng N vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh, chị trong vụ án này.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Xét thấy quan hệ hôn nhân của chị Q và anh N là hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã V, huyện T1, tỉnh A cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2015 ngày 03 tháng 3 năm 2015. Hôn nhân của anh chị được xây dựng trên cơ sở quen biết, tìm hiểu nhau trước khi đi đến hôn nhân. Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị Q nguyên nhân là tính tình không còn phù hợp nên thường hay cự cải và cuộc sống không còn hạnh phúc, mặc dù đã cố gắng duy trì cuộc hôn nhân nhưng không có kết quả. Chị và anh N đã ly thân tháng 10 năm 2023 đến nay. Xét thấy tình cảm không hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu ly hôn.

Anh N không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cũng như nguyên nhân mâu thuẫn mà phía chị Q đưa ra. Mặc dù, lời trình bày của chị Q là đơn phương nhưng anh N không có ý kiến phản bác đối với lời trình bày này. Hơn nữa, anh N không tham dự các phiên hòa giải của Tòa án để thể hiện ý kiến của mình là muốn đoàn tụ, hàn gắn mâu thuẫn hôn nhân chứng tỏ anh N không mong muốn tiếp tục duy trì hôn nhân với chị Q. Đồng thời anh, chị đã có thời gian ly thân từ năm 2023 đến nay vẫn không thể hàn gắn, đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị Q và anh N không thể tiếp tục kéo dài, tình trạng hôn nhân của anh, chị đã không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Q là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Q xác định giữa chị và anh N có 01 con chung là Nguyễn Thị Kiều M, sinh ngày 04/5/2016. Hiện đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị Q và anh N ly thân cho đến nay là do chị Q nuôi dưỡng con chung. Anh N không có ý kiến gì về việc chị Q yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Đồng thời theo đơn trình bày nguyện vọng của cháu Kiều M thì sau khi cha mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ. Do đó để đảm bảo sự phát triển và quyền lợi của con chung nên cần tiếp tục giao con chung là Nguyễn Thị Kiều M, sinh ngày 04/5/2016 cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Q không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q xác định không có. Anh N không có ý kiến tài sản chung cũng như nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[7] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Các Điều 24; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Đoàn Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng N.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung là Nguyễn Thị Kiều M, sinh ngày 04/5/2016 cho chị Đoàn Thị Q nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

- Tiền cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết do không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Đoàn Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Q đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004920 ngày 16/4/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh K. Xem như chị Q đã thi hành xong phần án phí.

5. Chị Đoàn Thị Q, anh Nguyễn Hoàng N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh K;
- Các đương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU